TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-8-2020
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hợp;

Ông Trần Thế Sự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Bà Mai Thị H, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 05-6-2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Ông bà chung sống vui vẻ hòa thuận đến đầu năm 2011 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà bất đồng với nhau về quan điểm sống, bất đồng với nhau trong phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Do tính chất công việc ông phải thường xuyên vắng nhà nhưng bà H lại nghi ngờ ông có quan hệ với người

phụ nữ khác, ông đã nhiều lần giải thích nhưng bà H không nghe. Vì vậy, mâu thuẫn tình cảm giữa ông và bà H ngày một trầm trọng. Mặc dù, ông bà đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn, các con cũng khuyên giải nhưng không thành. Sau thời gian chung sống nhưng không hạnh phúc, từ cuối năm 2011 ông bà không còn chung sống cùng nhau nữa và không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, để đảm bảo quyền lợi cho ông và bà H, ông đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Nguyễn Văn B, sinh năm 1992 và Nguyễn Văn S, sinh năm 1994, các con đều đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 03-7-2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Mai Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N đều là dân gốc ở tổ dân phố Nghĩa Phương, phường Minh Đức nên có quen biết nhau. Sau một thời gian tìm hiểu, bà và ông N đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào năm 1991 nhưng do không am hiểu pháp luật nên ông bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống, ông bà xảy ra mâu thuẫn, xô xát, cãi vã, xúc phạm nhau; mâu thuẫn càng ngày càng lớn dần nên bà và ông N không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa. Vì vậy, bà và ông N đã không sống với nhau từ khoảng 10 năm nay, cả 2 đều có cuộc sống riêng, không còn liên hệ gì với nhau. Nay bà thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 02 con chung là Nguyễn Văn B, sinh năm 1992 và Nguyễn Văn S, sinh năm 1994. Các con đều đã thành niên, có công việc ổn định, tự lo được cho cuộc sống của mình nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, xét xử vắng mặt ông N và bà H.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông N và bà H. Về con chung và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa, ông N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng được quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là bà Mai Thị H có nơi cư trú tại tổ dân Nghĩa Phương, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N và bà H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà H đều trình bày việc tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. UBND quận Đồ Sơn, UBND phường Minh Đức, quận Đồ Sơn và UBND phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, nơi ông bà cư trú từ nhỏ đến nay đều xác nhận không có thông tin ông Nguyễn Văn N và bà Mai Thị H trong sổ đăng ký kết hôn.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016, ông N và bà H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên không được pháp luật thừa nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, việc ông N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà H là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Ông N và bà H có 02 con chung là Nguyễn Văn B, sinh năm 1992 và Nguyễn Văn S, sinh năm 1994. Các con chung đều đã thành niên, ông N và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Ông N và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Ông N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân s ự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Ông N và bà H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn N và bà Mai Thị H.

2. Về án phí: Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007105 ngày 18-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; ông N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông N, bà H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Văn Hợp	**Trần Thế Sự**	**Phạm Hữu Trường**

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Loan **Lê Thị Mai Hương** **Phạm Hữu Trường**